

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 97/2022/HSST

Ngày 16/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Mạnh Cường**
- Các Hội thẩm nhân dân: **1/ Bà Nguyễn Thị Thắm**
2/ Ông Nguyễn Thành Lam
- Thư ký phiên tòa: **Ông Hà Văn Tuấn** là Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: **Ông Nguyễn Xuân Thanh** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12, 16 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường A Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử công khai án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 75/2022/HSST ngày 03 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2022; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 01/TB-TA ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 02/TB-TA ngày 22 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Trần Minh P, (tên gọi khác: B), sinh năm: 1986, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P4/133B ấp N, xã Q, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: khu 2 ấp X, xã X1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Chăn nuôi; Con ông Trần Văn Ph, sinh năm: 1946 và bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm: 1951; Có vợ Trần Thị Thu H, sinh năm: 1989 (đã ly hôn); bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2010.

+/- Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Thống Nhất từ ngày 28/02/2021 đến ngày 09/3/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Vũ Hoàng Kim Khải N, (tên gọi khác: C), sinh năm: 1996; tại Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: D4/120 ấp L, xã Q, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: tài xế; Con ông Vũ Quốc Đ, sinh năm 1963 và bà Vũ Thị Kim H, sinh năm: 1967; Có vợ Nguyễn Thị Minh T, sinh năm: 1998; bị cáo có 01 người con, sinh năm 2018

+/- Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Thống Nhất từ ngày 28/02/2021 đến ngày 09/3/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Viết S, (theo bị cáo trình bày tại phiên tòa, bị cáo không có tên gọi khác), sinh năm: 1991; tại Thanh Hóa; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông Phạm Viết T, sinh năm 1967 và bà Phạm Thị Đ, sinh năm: 1967; bị cáo chưa có vợ, con

+/- Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Thống Nhất từ ngày 28/02/2021 đến ngày 09/3/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Thị H, (theo bị cáo trình bày tại phiên tòa, bị cáo không có tên gọi khác), sinh năm 1965; tại Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: ấp X, xã X1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Nội trợ; Con ông Nguyễn H, đã chết và bà Trần Thị M, đã chết; Có chồng Nguyễn Văn S, sinh năm: 1962; bị cáo có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1997

+/- Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Thống Nhất từ ngày 28/02/2021 đến ngày 09/3/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Vũ Thị M, (theo bị cáo trình bày tại phiên tòa, bị cáo không có tên gọi khác), sinh năm: 1968 tại Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: tổ 5 khu 1 ấp X, xã X1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 05/12; Nghề nghiệp: nội trợ; Con ông Vũ Đình L, đã chết và bà Phan Thị H, đã chết; Có chồng Phạm Công Ch, sinh năm: 1963; bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1991

+/- Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Thống Nhất từ ngày 28/02/2021 đến ngày 09/3/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Vũ Hoàng Y, (theo bị cáo trình bày tại phiên tòa, bị cáo không có tên gọi khác), sinh năm: 1991 tại Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: khu 2 ấp X, xã X1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: nội trợ; Con ông Vũ Tiến Đ, sinh năm 1964 và bà Lê Thị H, sinh năm 1966; Có chồng Đặng Hoài N, sinh năm: 1991; bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2020

+/- Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Thống Nhất từ ngày 28/02/2021 đến ngày 09/3/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Mai Đại L, (theo bị cáo trình bày tại phiên tòa, bị cáo không có tên gọi khác), sinh năm: 1985 tại Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: khu 4 ấp X, xã X1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Tin lành; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: thiết kế quảng cáo; Con ông Mai Hữu T, đã chết và bà Trương Thị Kim Th, sinh năm: 1959; bị cáo chưa có vợ con

+/- Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Thống Nhất từ ngày 28/02/2021 đến ngày 09/3/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Lê Thị M, (theo bị cáo trình bày tại phiên tòa, bị cáo không có tên gọi khác), sinh năm: 1967 tại Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: tổ 11 khu 2 ấp X, xã X1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: nội trợ; Con ông Lê Văn H, đã chết và bà Mai Thị Tr, đã chết; Có chồng Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1965; bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1993.

+/- Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Thống Nhất từ ngày 28/02/2021 đến ngày 09/3/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. Phan Thị Cẩm B, (theo bị cáo trình bày tại phiên tòa, bị cáo không có tên gọi khác), sinh năm: 1957 tại Đà Nẵng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: tổ 4 khu 1 ấp X, xã X1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 02/12;

Nghề nghiệp: nội trợ; Con ông Phan Công P, đã chết và bà Nguyễn Thị A, sinh năm: 1936; Có chồng Lại Văn L, đã chết; bị cáo có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 1985

+/- Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Thống Nhất từ ngày 28/02/2021 đến ngày 09/3/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

10. Mai Thị T, (theo bị cáo trình bày tại phiên tòa, bị cáo không có tên gọi khác), sinh năm: 1959 tại Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: khu 3 ấp X, xã X1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: nội trợ; Con ông Mai Ngọc Đ, đã chết và bà Mai Thị T, đã chết; Có chồng Phan Khắc D (đã ly hôn); bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 1997.

+/- Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Thống Nhất từ ngày 28/02/2021 đến ngày 09/3/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

11. Nguyễn Thị Kim L, (theo bị cáo trình bày tại phiên tòa, bị cáo có tên gọi khác là Nguyễn Thị Lan), sinh năm: 1961 tại Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: khu 1 ấp X, xã X1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: nội trợ; Con ông Nguyễn Viết P, đã chết và bà Cao Thị T, đã chết; Có chồng Ngô Hữu Th, sinh năm: 1960; bị cáo có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1986.

+/- Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 06/9/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xử 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 03 năm về tội “Đánh bạc” theo Bản án số: 66/2007/HSST.

Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Thống Nhất từ ngày 28/02/2021 đến ngày 09/3/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

12. Lê Thị L2, (theo bị cáo trình bày tại phiên tòa, bị cáo không có tên gọi khác), sinh năm: 1964 tại Ninh Bình; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: khu 4 ấp X, xã X1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: nội trợ; Con ông Lê Văn C, đã chết và bà Đỗ Thị M, đã chết; Có chồng Ngô Lập T, sinh năm: 1965; bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 1988, nhỏ sinh năm 1989.

+/ Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 06/9/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xử 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 năm về tội “Đánh bạc” theo Bản án số: 66/2007/HSST.

Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Thống Nhất từ ngày 28/02/2021 đến ngày 09/3/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 16 giờ 15 phút ngày 28/02/2021, Công an huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát hiện tại nhà của Nguyễn Thị Th ở ấp X, xã X1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai có tổ chức đánh bạc trái phép được thua bằng tiền. Khi Công an huyện Thống Nhất tiến hành kiểm tra hành chính thì bị cáo Trần Minh P và đồng bọn đã thu dọn và cất dấu toàn bộ vật dụng sử dụng cho việc đánh bạc, các con bạc lẫn trốn trong phòng ngủ của gia đình Nguyễn Thị Th.

Tại thời điểm kiểm tra hành chính phát hiện trong nhà của bị cáo Trần Minh Phụng cùng các bị cáo Vũ Hoàng Kim Khải N, Phạm Viết S, Lê Thị M, Vũ Thị M, Phan Thị Cẩm B, Vũ Hoàng Y, Nguyễn Thị H, Lê Thị L, Mai Thị T, Nguyễn Thị Kim L, Mai Đại L cùng cư trú tại ấp X, xã X1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Qua kiểm tra phát hiện nhiều vật dụng sử dụng cho việc tổ chức đánh bạc và đánh bạc nên Công an huyện Thống Nhất lập biên bản vụ việc, thu giữ số vật chứng gồm: 07 bộ bài Tây loại 52 lá, 01 cái chắn mền kích thước 1m60 x 2m, 11 điện thoại di động các loại, 02 xe mô tô biển số 60B7-700.20 và 60B7-424.95, số tiền mặt 69.235.000 đồng và mời toàn bộ những người có tên trên về trụ sở Công an huyện Thống Nhất để làm việc (*Bút lục số 06-10, 11, 13, 15, 17, 19, 22, 23, 25, 27, 29, 30, 31*).

Quá trình điều tra xác định bị cáo Trần Minh P sống với nhau như vợ chồng tại nhà của Nguyễn Thị Th thuộc ấp X, xã X1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Tại nhà của Th, bị cáo P đã chuẩn bị 07 bộ bài Tây loại 52 lá, 01 cái chắn màu xanh kích thước 1m60 x 2m dùng làm chiếu bạc để cho 11 người tham gia dưới hình thức đánh bài “Xì Dách” thắng thua bằng tiền. Bị cáo P không tham gia đánh bạc mà thu tiền xâu với mỗi ván là 100.000 đồng, trong suốt quá trình đánh bạc bị cáo P đã thu được số tiền xâu là 300.000 đồng, khi Cơ quan điều tra tiến hành lập biên bản sự việc và kiểm tra trên người của bị cáo P có số tiền 19.000.000 đồng (*Bút lục số 06-12*).

Kết quả điều tra đã làm rõ được hành vi đánh bạc như sau: Những người

đánh bạc sử dụng bộ bài tây loại 52 lá hình thức đánh bạc được quy ước như sau: Các lá bài từ 2,3,4,5,6,7,8,9 thì số điểm tương ứng với các con số, các lá bài 10, J, Q, K thì tính mỗi lá bài là 10 điểm, lá bài A có thể linh hoạt là 01 điểm, 10 điểm, 11 điểm (*tùy người chơi lựa chọn trong mỗi ván bài*), nếu có 2 lá bài gồm A và 10 hoặc J, Q, K thì gọi “Xì dách”, còn nếu có 2 lá bài A, A gọi là “Xì bần” đây là điểm bài lớn nhất. Mỗi người được chia 02 lá bài và cộng tổng số điểm của 2 lá bài, phải từ 16 điểm thì được xét bài, nếu dưới 16 điểm thì người chơi bài được rút thêm 1 đến 3 lá bài, sau khi người chơi không ai rút bài nữa thì nhà cái sẽ xét bài để xác định thắng – thua hoặc hòa, trường hợp người chơi nếu có 5 lá bài đều dưới 21 điểm gọi là ngũ linh

Bị cáo Phạm Viết S và Vũ Hoàng Kim Khải N chung nhau 01 tụ bài và là nhà cái những người tham gia đặt cược gồm các bị cáo Lê Thị M, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Kim L, Phan Thị Cẩm B, Mai Thị T, Vũ Thị M, Lê Thị L, Mai Đại L. Bị cáo S có nhiệm vụ chia bài cho các con bạc và kiểm tra bài, bị cáo N là người cầm tiền để chung tiền thắng thua cho các con bạc tham gia. Nhà cái sẽ so bài mình với bài của từng người chơi còn lại (nhà con) để phân định thắng thua bằng tiền với nhau. Trong mỗi ván chơi, người tham gia chơi sẽ đặt cược số tiền từ 50.000 đồng đến 500.000 đồng để cá cược với nhà cái. Trong quá trình chơi, nếu ván bạc nào nhà cái thắng được “Xì dách” hoặc “Xì bần” thì ván sau nhà con sẽ được đặt gấp đôi số tiền đã đặt ván trước hoặc được đặt tối đa không quá số tiền 1.000.000 đồng và phải được nhà cái đồng ý.

Các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc đến 16 giờ 00 phút cùng ngày thì sòng bạc trên bị phát hiện. Quá trình điều tra chứng minh được kết quả thắng thua, số tiền của từng bị can đưa vào đánh bạc, cụ thể như sau:

- Các bị cáo Vũ Hoàng Kim Khải N và Phạm Viết S: Thỏa thuận chung nhau trực tiếp làm cái, những người đánh bạc tham gia cùng nhau chơi, (N và S thỏa thuận số tiền thắng hoặc thua sẽ chia đôi). Bị cáo N mang theo trong người số tiền 80.000.000 đồng, trong đó bị cáo sử dụng số tiền 15.000.000 đồng đưa vào đánh bạc, trong quá trình đánh bạc khi thấy đã thắng nên bị cáo N có gọi cho người bạn tên Vũ Văn L, trú tại xã G đến trả tiền nợ cho L số tiền 75.000.000 đồng rồi quay lại tiếp tục đánh bạc (Vũ Văn L đã chết trong vụ tai nạn giao thông tháng 4/2021). Khi bị phát hiện, bị cáo N đưa cho bị cáo S số tiền 15.300.000 đồng và tự nguyện giao nộp số tiền 15.600.000 đồng, bị cáo S cũng giao nộp số tiền 15.300.000 đồng, như vậy đã xác định được kết quả bị cáo N và S thắng bạc tổng số tiền 15.900.000 đồng. (*Bút lục số 13-16, 510-522, 525-534*)

- Bị cáo Nguyễn Thị H mang theo số tiền 14.200.000 đồng đưa vào đánh bạc. Kết quả không thắng, không thua, cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 14.200.000 đồng (*Bút lục số 19-21, 442-450*).

- Bị cáo Vũ Thị M mang theo số tiền 3.000.000 đồng đưa vào đánh bạc. Kết quả thua số tiền 2.800.000 đồng, cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 200.000 đồng (*Bút lục số 27-28, 479-485*).

- Bị cáo Vũ Hoàng Y mang theo số tiền 1.600.000 đồng đưa vào đánh bạc.

Kết quả thua số tiền 1.000.000 đồng, cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 600.000 đồng (*Bút lục số 550-554*).

- Bị cáo Mai Đại L mang theo trong người tổng số tiền 12.500.000 đồng. Khi tham gia đánh bạc, L lấy ra số tiền 1.000.000 đồng sử dụng đưa vào đánh bạc. Kết quả thua bạc số tiền 200.000 đồng, cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 12.300.000 đồng, trong đó có 800.000 đồng số tiền L sử dụng để đánh bạc (*Bút lục số 30-31, 499-506*).

- Bị cáo Lê Thị M mang theo số tiền 900.000 đồng đưa vào đánh bạc, kết quả thua hết số tiền 900.000 đồng (*Bút lục số 17-18, 432-438*).

- Bị cáo Phan Thị Cẩm B mang theo số tiền 700.000 đồng đưa vào đánh bạc. Kết quả thua hết số tiền 665.000đ, cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 35.000 đồng (*Bút lục số 23-24, 461-468*).

- Bị cáo Mai Thị T mang theo số tiền 600.000 đồng đưa vào đánh bạc. Kết quả thua hết số tiền 600.000 đồng (*Bút lục số 25-26, 471-476*).

- Bị cáo Nguyễn Thị Kim L mang theo số tiền 500.000 đồng đưa vào đánh bạc. Kết quả thua hết số tiền 500.000 đồng (*Bút lục số 22, 453-458*).

- Bị cáo Lê Thị L mang theo số tiền 200.000 đồng đưa vào đánh bạc. Kết quả thua hết số tiền 200.000 đồng (*Bút lục số 29, 488-496*).

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo khai nhận đưa vào đánh bạc là 37.700.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu bảy trăm ngàn đồng*).

+/- Vật chứng của vụ án:

- Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 77.235.000 đồng (cụ thể bị cáo Trần Minh P số tiền 19.000.000 đồng; bị cáo Vũ Hoàng Kim Khải N số tiền 15.600.000 đồng; Phạm Viết S số tiền 15.300.000 đồng; Nguyễn Thị H số tiền 14.200.000 đồng; Phan Thị Cẩm B số tiền 35.000 đồng; Vũ Thị M số tiền 200.000 đồng; Mai Đại L số tiền 12.300.000 đồng và Vũ Hoàng Y số tiền 600.000 đồng).

Trong đó, xác định được số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc đã thu giữ được là 47.035.000 đồng (số tiền 15.600.000 của Vũ Hoàng Kim Khải N; số tiền 15.300.000 đồng của Phạm Viết S; số tiền 14.200.000 đồng của Nguyễn Thị H; số tiền 35.000 đồng của Phan Thị Cẩm B; số tiền 200.000 đồng của Vũ Thị M, số tiền 800.000 đồng của Mai Đại L và số tiền 600.000 đồng của Vũ Hoàng Y và 300.000 đồng tiền xâu của Trần Minh P) đây là tài sản liên quan đến hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc cần tịch thu sung công (*Bút lục số 6-33*).

Đối với số tiền 18.700.000 đồng của bị cáo Trần Minh P, số tiền 11.500.000 đồng của bị cáo Mai Đại L, không sử dụng vào mục đích tổ chức đánh bạc và đánh bạc. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu (*Bút lục số 588, 592*).

- 07 bộ bài Tây 52 lá, 01 cái chặn màu xanh kích thước 1m60 x 2m là công cụ phương tiện phục vụ việc đánh bạc, không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy (*Bút lục số 6-8*).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 của bị cáo Vũ Hoàng Kim Khải N, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 của bị cáo Trần Minh P là phương tiện các đối tượng liên lạc để liên quan đến hành vi đánh bạc, cần tịch thu sung công (*Bút*

lục số 525-534

- 09 điện thoại di động các loại: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 của bị cáo Phạm Viết S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia của bị cáo Lê Thị M; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia của bị cáo Vũ Thị M; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax của bị cáo Vũ Hoàng Y; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vshant của bị cáo Nguyễn Thị H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia của bị cáo Mai Thị T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X của bị cáo Mai Đại L là tài sản cá nhân của các bị cáo, không liên quan đến hành vi đánh bạc. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho các bị cáo (*Bút lục số 586-605*).

- 01 xe mô tô biển kiểm số 60B7-700.20 đứng tên chủ sở hữu là bị cáo Vũ Hoàng Kim Khải N, bị cáo N sử dụng đi đón bị cáo Phạm Viết S rồi cả hai cùng đi đến nhà bị cáo Trần Minh P. Sau đó, các bị cáo N và S mới tham gia đánh bạc, không liên quan đến hành vi đánh bạc nên trả lại cho chủ sở hữu.

- 01 xe mô tô biển kiểm số 60B7-424.95 đứng tên chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1991, trú ấp Xuân T, xã X1, Thống Nhất, Đồng Nai (con gái bị cáo Lê Thị M), chị N không biết bị cáo Lê Thị M sử dụng đi đánh bạc. Xe có giấy tờ đầy đủ, hợp lệ nên cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả chủ sở hữu (*Bút lục số 574-578*).

Quá trình điều tra các bị cáo Trần Minh P, Vũ Hoàng Kim Khải N, Phạm Viết S, Nguyễn Thị H, Vũ Thị M, Vũ Hoàng Y, Mai Đại L, Lê Thị M, Phan Thị Cẩm B, Mai Thị T, Nguyễn Thị Kim L và Lê Thị L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. (*Bút lục số 432-554*)

Đối với Nguyễn Thị Th, sinh năm 1990 tại ấp X, xã X1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai (sống chung như vợ chồng với bị cáo Trần Minh P). Trong quá trình các đối tượng tham gia tổ chức đánh bạc và đánh bạc, T và bị cáo P không có sự bàn bạc trước, việc tổ chức đánh bạc của bị cáo P thì Th không tham gia và cũng không tham gia ngồi chơi trực tiếp. Tuy nhiên khi có 01 ván bạc nhà cái được “Xi dách”, theo quy ước từ trước của các con bạc thì ván tiếp theo người chơi được đặt gấp đôi số tiền của ván bạc trước nên bị cáo Mai Đại L hỏi Th “có ké tụ không, cái xi dách?”, Th gật đầu đồng ý và nói cho ké số tiền 100.000 đồng (*Một trăm ngàn đồng*). Bị cáo Mai Đại L bỏ ra số tiền 100.000 đồng (*Một trăm ngàn đồng*) trước để đặt vào tụ bài cho Th. Kết quả, ván bạc này Th và bị cáo L thua. Lúc này, bị cáo L nói với Th không phải trả tiền lại cho bị cáo L (số tiền 100.000 đồng bị cáo đã đặt trước đó cho Th) và coi như để bị cáo L xả xui, Th cũng đồng ý với bị cáo L. Hành vi của Nguyễn Thị Th có tham gia đánh bạc, tuy nhiên xét thấy Nguyễn Thị Th có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, ngoài ra chồng của Th là bị cáo Trần Minh P và mẹ ruột là bị cáo Nguyễn Thị H đã bị khởi tố, điều tra về hành vi tổ chức đánh bạc, đánh bạc trong vụ án này, hành vi của Nguyễn Thị Th ít nghiêm trọng nên không cần thiết phải xử lý hình sự, Cơ quan điều tra xử phạt hành chính là đủ răn đe, phòng ngừa chung và đúng quy định của pháp luật. (*Bút lục số 555-565, 582-585*).

Tại Bản Cáo trạng số: 21/VKS-HS ngày 09/3/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất đã truy tố bị cáo Trần Minh P về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Truy tố các bị cáo Vũ Hoàng Kim Khải N, Phạm Viết S, Nguyễn Thị H, Vũ Thị M, Vũ Hoàng Y, Mai Đại L, Lê Thị M, Phan Thị Cẩm B, Mai Thị T, Nguyễn Thị Kim L và Lê Thị L về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất giữ nguyên quan điểm về nội dung vụ án, tội danh, khung hình phạt đã truy tố đối với các bị cáo Trần Minh P, Vũ Hoàng Kim Khải N, Phạm Viết S, Nguyễn Thị H, Vũ Thị M, Vũ Hoàng Y, Mai Đại L, Lê Thị M, Phan Thị Cẩm B, Mai Thị T, Nguyễn Thị Kim L và Lê Thị L.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự các bị cáo Trần Minh P, Vũ Hoàng Kim Khải N, Phạm Viết S, Nguyễn Thị H, Vũ Thị M, Vũ Hoàng Y, Mai Đại L, Lê Thị M, Phan Thị Cẩm B, Mai Thị T, Nguyễn Thị Kim L và Lê Thị L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra, truy tố các bị cáo Trần Minh P, Vũ Hoàng Kim Khải N, Phạm Viết S, Nguyễn Thị H, Vũ Thị M, Vũ Hoàng Y, Mai Đại L, Lê Thị M, Phan Thị Cẩm B, Mai Thị T, Nguyễn Thị Kim L và Lê Thị L thành khẩn khai báo. Các bị cáo Vũ Hoàng Kim Khải N, Phạm Viết S, Nguyễn Thị H, Vũ Thị M, Vũ Hoàng Y, Mai Đại L, Lê Thị M, Phan Thị Cẩm B, Mai Thị T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Từ những căn cứ trên, áp dụng điểm a, c khoản 1 và khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Trần Minh P từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 02 (hai) năm 06 (sáu) đến 03 (ba) năm. Xử phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo Vũ Hoàng Kim Khải N, Phạm Viết S, Nguyễn Thị H mỗi bị cáo từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng cải tạo tại không giam giữ. Xử phạt bổ sung đối với các bị cáo, mỗi bị cáo số tiền từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo Vũ Thị M, Vũ Hoàng Y, Mai Đại L, Lê Thị M, Phan Thị Cẩm B, Mai Thị T mỗi bị cáo từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng cải tạo tại không giam giữ. Xử phạt bổ sung đối với các bị cáo, mỗi bị cáo số tiền từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo Nguyễn Thị Kim L, Lê Thị L mỗi bị cáo từ 14 (mười bốn) đến 16 (mười sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng đến 02 (hai) năm 08 (tám) tháng. Xử phạt bổ sung đối với các bị cáo, mỗi bị cáo số tiền từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ

+/- Về vật chứng của vụ án:

- Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 47.035.000 đồng đề nghị tịch thu xung quỹ Nhà nước.

- 07 bộ bài Tây 52 lá, 01 cái chăn màu xanh kích thước 1m60 x 2m là công cụ phương tiện phục vụ việc đánh bạc, không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy (Bút lục số 6-8)

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 của bị cáo Vũ Hoàng Kim Khải N, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 của bị cáo Trần Minh P là phương tiện các đối tượng liên lạc để liên quan đến hành vi đánh bạc, cần tịch thu sung công.

- 09 điện thoại di động các loại: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 của bị cáo Phạm Viết S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia của bị cáo Lê Thị M; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia của bị cáo Vũ Thị M; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax của bị cáo Vũ Hoàng Y; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vshant của bị cáo Nguyễn Thị H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia của bị cáo Mai Thị T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X của bị cáo Mai Đại L là tài sản cá nhân của các bị cáo, không liên quan đến hành vi đánh bạc. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho các bị cáo là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- 01 xe mô tô biển kiểm số 60B7-700.20 đứng tên chủ sở hữu là bị cáo Vũ Hoàng Kim Khải N, bị cáo N sử dụng đi đón bị cáo Phạm Viết S rồi cả hai cùng đi đến nhà bị cáo Trần Minh P. Sau đó, các bị cáo N và S mới tham gia đánh bạc, không liên quan đến hành vi đánh bạc nên trả lại cho chủ sở hữu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- 01 xe mô tô biển kiểm số 60B7-424.95 đứng tên chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị Thanh N (con gái bị cáo Lê Thị M), chị N không biết bị cáo M sử dụng đi đánh bạc. Xe có giấy tờ đầy đủ, hợp lệ nên cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả chủ sở hữu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Minh P, Vũ Hoàng Kim Khải N, Phạm Viết S, Nguyễn Thị H, Vũ Thị M, Vũ Hoàng Y, Mai Đại L, Lê Thị M, Phan Thị Cẩm B, Mai Thị T, Nguyễn Thị Kim L và Lê Thị L đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, các bị cáo không có ý kiến về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát vừa đề nghị đối với các bị cáo và không có ý kiến, tranh luận gì khác.

Bị cáo Trần Minh P nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, bị cáo lần đầu phạm tội nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Vũ Hoàng Kim Khải N nói lời sau cùng: Bị cáo lần đầu phạm tội nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Phạm Viết S nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, lần đầu phạm tội nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị H nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Vũ Thị M nói lời sau cùng: Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc không lớn, bị cáo lần đầu phạm tội nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Mai Đại L nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Lê Thị M nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, hiện bị cáo đang nuôi chồng bị bệnh, lần đầu phạm tội nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Phan Thị Cẩm B nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Mai Thị T nói lời sau cùng: Bị cáo một mình nuôi hai con nhỏ, lần đầu phạm tội nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị Kim L nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Lê Thị L nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Vũ Thị Y nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Thống Nhất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Trần Minh P, Vũ Hoàng Kim Khải N, Phạm Viết S, Nguyễn Thị H, Vũ Thị M, Vũ Hoàng Y, Mai Đại L, Lê Thị M, Phan Thị Cẩm B, Mai Thị T, Nguyễn Thị Kim L và Lê Thị L đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 16 giờ 15 phút, ngày 28/02/2021, tại nhà của Nguyễn Thị Th thuộc ấp X, xã X1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai bị cáo Trần Minh P (sống chung như vợ chồng với Th) đã chuẩn bị 01 cái mền kích thước 1m60 x 02m, 07 bộ bài tây loại 52 lá đề cho 11 (mười một) người gồm các bị cáo Vũ Hoàng Kim Khải N, Phạm Viết S, Nguyễn Thị H, Vũ Thị M, Vũ Hoàng Y, Mai Đại L, Lê Thị M, Phan Thị Cẩm B, Mai Thị T, Nguyễn Thị Kim L và Lê Thị L đánh bạc trái phép được thua bằng tiền. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 46.735.000 đồng (bốn mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi lăm ngàn đồng). Bị cáo Trần Minh P thu được số tiền sâu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Cụ thể: Vũ Hoàng Kim Khải N, Phạm Viết S đưa vào đánh bạc số tiền 15.000.000 đồng, thắng bạc 15.900.000 đồng, Nguyễn Thị H đưa vào đánh bạc số tiền 14.200.000 đồng không thua thắng, Vũ Thị M đưa vào đánh bạc số tiền 3.000.000 đồng thua số tiền 2.800.000 đồng, Vũ Hoàng Y đưa vào đánh bạc số tiền 1.600.000 đồng thua số tiền 1.000.000 đồng, Mai Đại L đưa vào đánh bạc số tiền 1.000.000 đồng thua số tiền 200.000 đồng, Lê Thị M đưa vào đánh bạc số tiền 900.000 đồng thua hết, Phan Thị Cẩm B đưa vào đánh bạc số tiền 700.000 đồng thua số tiền 665.000 đồng, Mai Thị T đưa vào đánh bạc số tiền 600.000 đồng thua hết, Nguyễn Thị Kim L đưa vào đánh bạc số tiền 500.000 đồng thua hết, Lê Thị L đưa vào đánh bạc số tiền 200.000 đồng thua hết.

[3] Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố hành vi như trên của bị cáo Trần Minh P về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố các bị cáo Vũ Hoàng Kim Khải N, Phạm Viết S, Nguyễn Thị H, Vũ Thị M, Vũ Hoàng Y, Mai Đại L, Lê Thị M, Phan Thị Cẩm B, Mai Thị T, Nguyễn Thị Kim L và Lê Thị L về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.2.1] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Trần Minh P, Vũ Hoàng Kim Khải N, Phạm Viết S, Nguyễn Thị H, Vũ Thị M, Vũ Hoàng Y, Mai Đại L, Lê Thị M, Phan Thị Cẩm B, Mai Thị T, Nguyễn Thị Kim L và Lê Thị L thành khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cần áp dụng để xem xét cho các bị cáo khi lượng hình. Ngoài ra, các bị cáo Vũ Hoàng Kim Khải N, Phạm Viết S, Nguyễn Thị H, Vũ Thị M, Vũ Hoàng Y, Mai Đại L, Lê Thị M, Phan Thị Cẩm B, Mai Thị T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho các bị cáo

[5] Về hình phạt:

[5.1] Đối với bị cáo Trần Minh P, bị cáo là người chuẩn bị các công cụ như bài tây, mền để cho các bị cáo khác đánh bạc và thu tiền tiền xâu từ các con bạc mỗi ván 100.000đ (một trăm ngàn đồng). Bị cáo P cùng các bị cáo khác phạm tội tổ chức đánh bạc và đánh bạc mang tính chất nhất thời, bộc phát. Bị cáo P có nhân thân tốt, bị cáo lần đầu phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, bị cáo xuất thân từ người nông dân lao động và là lao động duy nhất trong gia đình có vợ và 02 con nhỏ nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo và áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo là đủ nghiêm.

[5.2] Đối với các bị cáo Vũ Hoàng Kim Khải N, Phạm Viết S, Nguyễn Thị H, Vũ Thị M, Vũ Hoàng Y, Mai Đại L, Lê Thị M, Phan Thị Cẩm B, Mai Thị T các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, các bị cáo đều xuất thân từ người nông dân lao động, số tiền các bị cáo dùng để đánh không lớn nên Hội đồng xét xử xét thấy áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo là đủ nghiêm. Các bị cáo N, S, H, M và Y dùng số tiền vào để đánh bạc nhiều hơn các bị cáo khác nên phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại.

[5.3] Đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim L, Lê Thị L tuy các bị cáo dùng số tiền vào việc đánh bạc không lớn nhưng các bị cáo có nhân thân xấu, ngày 06/9/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xử phạt bị cáo Lê Thị L 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 năm và bị cáo Nguyễn Thị Kim L 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm cùng về tội “Đánh bạc” theo Bản án số: 66/2007/HSST nên cần có mức hình phạt nghiêm đối với hai bị cáo. Tuy nhiên, do các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, bị cáo xuất thân từ người nông dân lao động nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách

ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo và áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo là đủ nghiêm.

[6] Hành vi như trên của Nguyễn Thị Th đã bị Cơ quan điều tra xử phạt hành chính là đủ răn đe, đúng quy định của pháp luật nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về vật chứng của vụ án:

- Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 47.035.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 của bị cáo Vũ Hoàng Kim Khải N và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 của bị cáo Trần Minh P là phương tiện các đối tượng liên lạc để liên quan đến hành vi đánh bạc, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 07 bộ bài Tây 52 lá, 01 cái chăn màu xanh kích thước 1m60 x 2m là công cụ phương tiện phục vụ việc đánh bạc, không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- 09 điện thoại di động các loại: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 của bị cáo Phạm Viết S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia của bị cáo Lê Thị M; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia của bị cáo Vũ Thị M; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax của bị cáo Vũ Hoàng Y; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vshant của bị cáo Nguyễn Thị H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia của bị cáo Mai Thị T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X của bị cáo Mai Đại L là tài sản cá nhân của các bị cáo, không liên quan đến hành vi đánh bạc và 01 xe mô tô biển kiểm số 60B7-700.20 đứng tên chủ sở hữu là bị cáo Vũ Hoàng Kim Khải N, bị cáo N sử dụng đi đón bị cáo Phạm Viết S rồi cả hai cùng đi đến nhà bị cáo Trần Minh P. Sau đó, các bị cáo N và S mới tham gia đánh bạc, không liên quan đến hành vi đánh bạc. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho các bị cáo là có căn cứ, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- 01 xe mô tô biển kiểm số 60B7-424.95 đứng tên chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị Thanh N (con gái bị cáo Lê Thị M), chị N không biết bị cáo Lê Thị M sử dụng xe trên đi đánh bạc. Xe có giấy tờ đầy đủ, hợp lệ nên cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả chủ sở hữu là có căn cứ, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a, c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Áp dụng Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm

phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[2] Tuyên bố: Bị cáo **Trần Minh P**, (tên gọi khác B) phạm tội “**Tổ chức đánh bạc**”

[3] Xử phạt: Bị cáo **Trần Minh P**, (tên gọi khác B) **03 (ba) năm tù** nhưng cho bị cáo hưởng án treo, **thời gian thử thách 05 (năm) năm** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo Trần Minh P trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Minh P số tiền **20.000.000đ** (hai mươi triệu đồng)

[4] Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 và Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Tuyên bố: Các bị cáo **Vũ Hoàng Kim Khải N, Phạm Viết S, Nguyễn Thị H, Vũ Thị M, Vũ Hoàng Y, Mai Đại L, Lê Thị M, Phan Thị Cẩm B, Mai Thị T** phạm tội “**Đánh bạc**”.

[6] Xử phạt: Các bị cáo **Vũ Hoàng Kim Khải N, Phạm Viết S, Nguyễn Thị H**, mỗi bị cáo **18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ**, được trừ vào thời gian các bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/02/2021 đến ngày 09/3/2021. Các bị cáo **Vũ Hoàng Kim Khải N, Phạm Viết S, Nguyễn Thị H** mỗi bị cáo còn phải chấp hành **17 (mười bảy) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ**.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Vũ Hoàng Kim Khải N, Phạm Viết S và Nguyễn Thị H mỗi bị cáo số tiền **20.000.000đ** (hai mươi triệu đồng).

[6.1] Thời gian chấp hành hình phạt của bị cáo Vũ Hoàng Kim Khải N được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục bị cáo Vũ Hoàng Kim Khải N trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Do bị cáo có thu nhập không ổn định nên miễn khẩu trừ thu nhập cho bị cáo Vũ Hoàng Kim Khải N.

[6.2] Thời gian chấp hành hình phạt của bị cáo Phạm Viết S được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục bị cáo Phạm Viết S trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Do bị cáo có thu nhập không ổn định nên miễn khẩu trừ thu nhập cho bị cáo Phạm Viết S.

[6.3] Thời gian chấp hành hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị H được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã X, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục bị cáo Nguyễn Thị H trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Do bị cáo có thu nhập không ổn định, đang nuôi chồng bị tai biến có xác nhận của chính quyền địa phương nên miễn khẩu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Thị H.

[7] Xử phạt: Các bị cáo **Vũ Thị M, Vũ Hoàng Y, Mai Đại L, Lê Thị M, Phan Thị Cẩm B, Mai Thị T** mỗi bị cáo **12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ**, được trừ vào thời gian các bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/02/2021 đến ngày 09/3/2021. Các bị cáo **Vũ Thị M, Vũ Hoàng Y, Mai Đại L, Lê Thị M, Phan Thị Cẩm B, Mai Thị T** mỗi bị cáo còn phải chấp hành **11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ**.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Vũ Thị M, Vũ Hoàng Y mỗi bị cáo số tiền **20.000.000đ** (hai mươi triệu đồng).

Phạt bổ sung đối với bị cáo Mai Đại L, Lê Thị M, Phan Thị Cẩm B, Mai Thị T mỗi bị cáo số tiền là **15.000.000đ** (mười lăm triệu đồng).

[7.1] Thời gian chấp hành hình phạt của bị cáo Vũ Thị M được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã X, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục bị cáo Vũ Thị M trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Do bị cáo có thu nhập không ổn định nên miễn khẩu trừ thu nhập cho bị cáo Vũ Thị M.

[7.2] Thời gian chấp hành hình phạt của bị cáo Vũ Hoàng Y được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã X, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục bị cáo Vũ Hoàng Y trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Do bị cáo có thu nhập không ổn định, đang nuôi con nhỏ nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Vũ Hoàng Y.

[7.3] Thời gian chấp hành hình phạt của bị cáo Mai Đại L được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã X, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục bị cáo Mai Đại L trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Do bị cáo có thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Mai Đại L.

[7.4] Thời gian chấp hành hình phạt của bị cáo Lê Thị M được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã X, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục bị cáo Lê Thị M trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Do bị cáo có thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Lê Thị M.

[7.5] Thời gian chấp hành hình phạt của bị cáo Phan Thị Cẩm B được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã X, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục bị cáo Phan Thị Cẩm B trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Do bị cáo có thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phan Thị Cẩm B.

[7.6] Thời gian chấp hành hình phạt của bị cáo Mai Thị T được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã X, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục bị cáo Mai Thị T trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Do bị cáo có thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Mai Thị T.

[8] Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Áp dụng Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[9] Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị Kim L** (tên gọi khác Nguyễn Thị L) và bị cáo **Lê Thị L** phạm tội “**Đánh bạc**”.

[10] Xử phạt: Bị cáo **Lê Thị L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù** nhưng cho hưởng án treo, **thời gian thử thách 05 (năm) năm** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo Lê Thị L trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Thị L số tiền **15.000.000đ** (mười lăm triệu đồng)

[11] Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị Kim L** (tên gọi khác Nguyễn Thị L) **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù** nhưng cho hưởng án treo, **thời gian thử thách 05 (năm) năm** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo Nguyễn Thị Kim L trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim L số tiền **15.000.000đ** (mười lăm triệu đồng)

[11] Về vật chứng của vụ án:

[11.1] Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

[11.2] Tịch thu suy quỹ Nhà nước số tiền 47.035.000 đồng (bốn mươi bảy triệu, không trăm ba mươi lăm ngàn đồng), 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 (theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản và biên lai thu tiền số 0005513 cùng ngày 10/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất).

[11.3] Tịch thu tiêu hủy 07 bộ bài Tây 52 lá, 01 cái chăn màu xanh kích thước 1m60 x 2m (theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất).

[12] Về án phí:

[12.1] Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[12.2] Buộc các Trần Minh P, Vũ Hoàng Kim Khải N, Phạm Viết S, Nguyễn Thị H, Vũ Thị M, Vũ Hoàng Y, Mai Đại L, Lê Thị M, Phan Thị Cẩm B, Mai Thị T, Nguyễn Thị Kim L và Lê Thị L mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[13] Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai
- Công an tỉnh Đồng Nai (phòng hồ sơ)
- VKSND H.Thống Nhất;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- CA h. Thống Nhất;
- Chi cục THA h. Thống Nhất;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

Vũ Mạnh Cường

